

Vietnam Daily Review

Phiên tăng nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường			
	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 9/11/2021		•	
Tuần 8/11-12/11/2021			•
Tháng 11/2021			•

Nhận định:
Thị trường cơ sở: Vừa mở cửa phiên hôm nay, VN-Index đã bật tăng hơn 8 điểm với thanh khoản lớn. Tuy nhiên, áp lực chốt lời tại vùng giá cao sau đó đã khiến chỉ số này giữ nguyên trạng thái đi ngang trong suốt buổi sáng. Sang đến phiên chiều, thị trường trở nên giằng co, sau cùng đóng cửa tăng 11 điểm so với phiên hôm trước. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với mức tăng trên 2% lan tỏa đồng đều ở một số ngành như Hàng & Dịch vụ Công nghiệp, Dịch vụ tài chính, Ô tô và phụ tùng, Thực phẩm và đồ uống. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Xu hướng thị trường vẫn có thể duy trì nhịp vận động tích cực khi dòng tiền đầu tư vẫn đang ủng hộ đà tăng của thị trường.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng điểm nhẹ theo chỉ số cơ sở. Các nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng với các HĐTL ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 08/11/2021, các chứng quyền điều chỉnh khi chứng khoán cơ sở giằng co. Giá trị giao dịch tăng tương đối.

Phân tích kỹ thuật: HAX_Tích cực (Trang 2)

- Điểm nhấn**
- VN-Index **+11.06** điểm, đóng cửa **1,467.57** điểm. HNX-Index **+4.46** điểm, đóng cửa **432.10** điểm.
 - Kéo chỉ số tăng: **MSN (+1.30)**, **VNM (+0.87)**, **VCB (+0.67)**, **GVR (+0.63)**, **BCM (+0.55)**.
 - Kéo chỉ số giảm: **VPB (-0.45)**, **TCB (-0.35)**, **SHB (-0.24)**, **PDR (-0.22)**, **VRE (-0.20)**.
 - Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **28,797** tỷ đồng, tăng **16%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 31,439 tỷ đồng.
 - Biên độ dao động là 15 điểm. Thị trường có **288** mã tăng, 39 mã tham chiếu và **174** mã giảm.
 - Giá trị mua ròng của khối ngoại: **504.32** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (168.69 tỷ)**, **VHM (128.63 tỷ)**, **GEX (84.59 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **9.57** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyễn Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1467.57**
Giá trị: 28797.3 tỷ **11.06 (0.76%)**
Khối ngoại (ròng): 504.32 tỷ

HNX-INDEX **432.10**
Giá trị: 3914.51 tỷ **4.46 (1.04%)**
Khối ngoại (ròng): 9.57 tỷ

UPCOM-INDEX **109.03**
Giá trị: 2683.61 tỷ **0.83 (0.77%)**
Khối ngoại(ròng): 27.7 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	82.1	1.07%
Giá vàng	1,817	-0.10%
Tỷ giá USD/VND	22,658	-0.18%
Tỷ giá EUR/VND	26,181	-0.20%
Tỷ giá JPY/VND	19,963	-0.29%
LS liên NH 1 tháng	1.1%	6.82%
LS TPCP 5 năm	0.8%	-15.79%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	168.7	SSI	-234.0
VHM	128.6	CMX	-36.3
GEX	84.6	HSG	-32.0
VNM	83.0	NLG	-29.8
STB	82.7	PDR	-24.2
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật
HAX_Tích cực

- Điểm nhấn kỹ thuật:**
- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
 - Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu
 - Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: HAX đang hình thành xu hướng tăng giá sau khi tích lũy ngắn hạn tại ngưỡng hỗ trợ 24.5. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều ủng hộ xu hướng hồi phục. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên đường MA20 và MA50, ủng hộ xu hướng tăng giá ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 25.65, chốt lãi tại ngưỡng 31.5 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 24.5.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

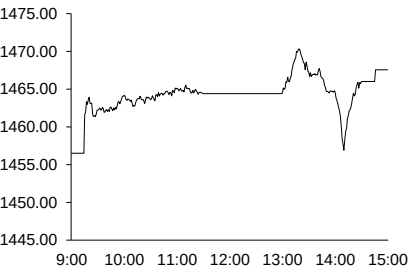
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.59%
Dịch vụ tài chính	2.44%
Ô tô và phụ tùng	2.25%
Thực phẩm và đồ uống	2.05%
Dầu khí	1.90%
Hóa chất	1.45%
Xây dựng và Vật liệu	1.24%
Du lịch và Giải trí	1.13%
Bảo hiểm	0.50%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.40%
Bất động sản	0.38%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.35%
Y tế	0.27%
Tài nguyên Cơ bản	0.10%
Truyền thông	0.06%
Ngân hàng	0.01%
Viễn thông	0.00%
Bán lẻ	-0.11%
Công nghệ Thông tin	-0.33%

Hình 1

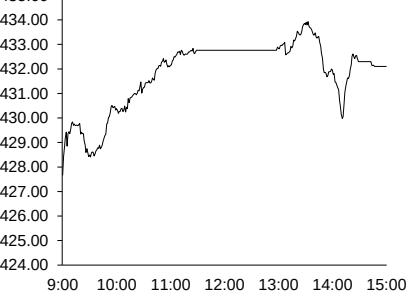
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

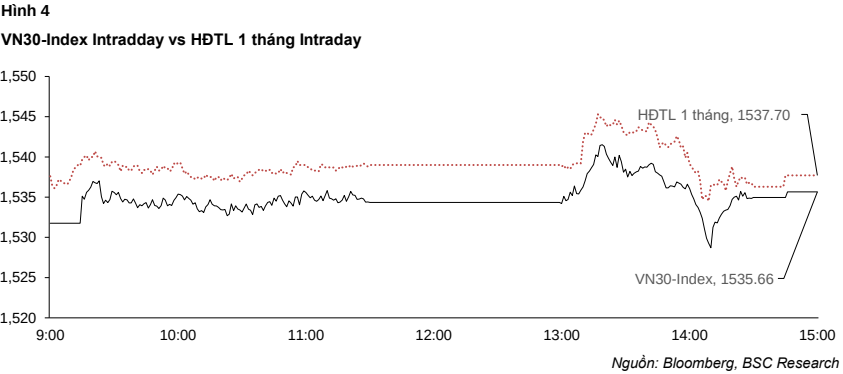
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
11/5/2021	NTC	179.7	200	170	187	3	4.06%	Có thể tiếp tục mua
11/4/2021	ANV	36.55	42.25	34.3	38.2	4	4.51%	Có thể tiếp tục mua
11/3/2021	KDC	59.8	66.5	54.5	59.5	5	-0.50%	Có thể tiếp tục mua
11/2/2021	SJS	69.4	77.5	64.5	69.5	6	0.14%	Có thể tiếp tục mua
11/1/2021	SSI	41.4	47.4	40	44.5	7	7.49%	Có thể tiếp tục mua
10/29/2021	CSV	51.1	63	48	57.5	10	12.52%	Có thể tiếp tục mua
10/28/2021	PHC	16.5	19.5	14.5	17.7	11	7.27%	Có thể tiếp tục mua
10/27/2021	FRT	51.1	58	48	54.8	12	7.24%	Có thể tiếp tục mua
10/26/2021	DBC	60.9	69	58.5	66.2	13	8.70%	Có thể tiếp tục mua
10/25/2021	BVH	64.5	72.5	60	63.5	14	-1.55%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/14/2021	HVH	10.2	11.8	9.8	11.1	25	8.82%	Có thể tiếp tục mua
10/6/2021	DRC	33.7	37	31.3	35.85	33	6.38%	Có thể tiếp tục mua
10/4/2021	GVR	37.1	44.5	36	40.7	35	9.70%	Có thể tiếp tục mua
9/28/2021	HPG	52.6	61.2	50.2	56.8	41	7.98%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/15/2021	VRE	28.55	32	27	30.85	54	8.06%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiềm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
10/22/2021	C4G	12.5	15	11.3	TP	17	20.00%
10/20/2021	PHR	56.2	68.3	52.2	TP	16	21.53%
10/19/2021	MBG	11.5	14.3	10.5	TP	9	24.35%
10/18/2021	SD9	10.3	13.3	9	TP	4	29.13%
10/15/2021	TDT	14.6	17.3	13.5	TP	12	18.49%
10/13/2021	VNP	22.5	25.6	21.5	TP	14	13.78%
10/12/2021	NSH	18.7	20.8	17.5	SL	10	-6.42%
10/11/2021	VHM	81	88	79.5	SL	3	-1.85%
10/8/2021	VSC	62.5	70	60	TP	18	12.00%
10/7/2021	TIP	43.3	51.6	42.5	TP	25	19.17%
10/5/2021	VGC	34.65	39.55	32.5	TP	23	14.14%
10/1/2021	CII	18.5	20.5	17.7	TP	25	10.81%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	13	2	7.15%	-1.03%	6.06%	18
Cổ phiếu đã chốt	208	130	14.40%	-7.81%	5.86%	25

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2111	1537.70	0.17%	2.04	6.3%	106,262	11/18/2021	12
VN30F2112	1534.90	0.07%	-0.76	-22.1%	229	12/16/2021	40
VN30F2203	1532.90	0.24%	-2.76	61.5%	21	3/17/2022	131
VN30F2206	1532.40	0.11%	-3.26	-17.1%	34	6/16/2022	222

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 3.90 điểm lên 1535.66 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như MSN, VNM, SSI, VJC, HPG, VHM tác động tích cực đến vận động tăng của VN30. Chỉ số dự kiến sẽ duy trì xu hướng tích lũy quanh ngưỡng 1530 điểm trong các phiên giao dịch tới.

- Các HDTL đều có mức tăng nhẹ theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ HDTL VN30F2206 giảm, các HDTL khác đều tăng. Xu hướng giao dịch thị trường đang ở trạng thái khá cân bằng. Các nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng với các HDTL ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVNM2110	1/10/2022	63	9.83:1	338,400	20.73%	1,400	1,080	12.50%	385	2.80	116,291	90,241	90,800
CTCB2110	2/4/2022	88	7:1	460,000	34.34%	1,500	1,220	7.02%	474	2.57	64,150	54,000	52,600
CVJC2101	1/6/2022	59	5:1	122,300	21.31%	3,550	3,440	5.52%	2,668	1.29	135,650	120,000	131,800
CVNM2107	1/7/2022	60	10:1	87,300	20.73%	1,500	800	5.26%	92	8.66	124,900	98,000	90,800
CPNJ2106	3/14/2022	126	5:1	14,300	27.58%	2,600	2,900	4.69%	2,790	1.04	113,800	98,000	108,000
CPNJ2107	2/10/2022	94	5:1	15,900	27.58%	2,500	1,640	1.23%	1,144	1.43	146,900	110,000	108,000
CMBB2104	1/19/2022	72	2:1	210,300	32.20%	2,900	1,110	0.91%	284	3.91	39,360	32,000	28,500
CFPT2105	1/6/2022	59	4.95:1	756,200	26.00%	3,500	3,270	0.00%	2,693	1.21	100,935	86,000	97,400
CFPT2108	7/6/2022	240	4:1	900	26.00%	3,280	3,450	-0.29%	1,428	2.42	116,915	106,835	97,400
CMWG2106	1/7/2022	60	10:1	113,500	31.61%	3,000	3,290	-0.60%	6	585.41	202,100	180,000	131,600
CMWG2108	3/14/2022	126	5:1	5,800	31.61%	3,500	3,370	-0.88%	2,753	1.22	149,000	126,000	131,600
CSTB2109	3/7/2022	119	2:1	485,600	40.47%	2,300	1,840	-1.60%	1,129	1.63	35,200	29,000	27,850
CTCB2107	12/27/2021	49	7:1	111,600	34.34%	1,850	1,620	-2.41%	868	1.87	64,790	47,500	52,600
CTCB2106	1/19/2022	72	5:1	366,000	34.34%	2,000	1,170	-2.50%	480	2.44	60,350	55,000	52,600
CHPG2114	4/27/2022	170	10:1	442,100	33.41%	1,200	1,130	-2.59%	575	1.97	79,789	56,789	56,800
CACB2101	1/21/2022	74	4:1	708,800	32.62%	2,000	1,560	-3.70%	814	1.92	37,560	31,400	33,400
CKDH2106	2/10/2022	94	1:1	119,700	30.24%	2,500	3,960	-4.12%	2,776	1.43	50,980	49,000	48,050
CVIC2105	1/6/2022	59	4.44:1	527,500	27.41%	3,250	1,100	-5.17%	1,164	0.94	109,242	120,000	94,900
CHDB2103	4/27/2022	170	8:1	545,000	33.00%	1,000	650	-5.80%	237	2.74	55,608	28,888	27,000
CVIC2104	1/7/2022	60	10:1	319,100	27.41%	2,000	700	-10.26%	4	177.22	140,600	124,000	94,900
Tổng				5,411,900	30.27%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
			**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 08/11/2021, các chứng quyền điều chỉnh khi chứng khoán cơ sở giảm co.

- CVRE2110 và CPNJ2108 tăng trưởng tốt nhất, lần lượt là 13.33% và 12.50%. Giá trị giao dịch tăng tương đối 16.88%. CMWG2108 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.60% thị trường.

- CMWG2109, CHPG2110, CMSN2107, CMWG2109 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVRE2111, CSTB2106, CHDB2103, và CHPG2112 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2109, CMWG2109, CMSN2105 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	131.6	-0.3%	0.9	4,079	6.5	6,130	21.5	5.0	49.0%	25.2%
PNJ	Bán lẻ	108.0	0.0%	1.0	1,068	2.0	4,214	25.6	4.4	48.2%	18.3%
BVH	Bảo hiểm	63.5	0.6%	1.4	2,049	2.4	2,473	25.7	2.2	26.6%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	50.5	-0.8%	0.5	514	1.0	4,211	12.0	1.6	56.3%	13.7%
VIC	Bất động sản	94.9	-0.1%	0.7	15,701	7.4	1,248	76.0	3.6	13.7%	5.1%
VRE	Bất động sản	30.9	-1.1%	1.1	3,048	11.8	954	32.3	2.3	29.5%	7.4%
VHM	Bất động sản	82.4	0.5%	1.0	15,600	29.3	8,287	9.9	4.1	22.9%	40.3%
DXG	Bất động sản	25.9	6.8%	1.3	670	20.7	1,299		1.8	29.8%	10.3%
SSI	Chứng khoán	44.5	3.7%	1.5	1,901	60.6	2,172	20.5	3.2	42.4%	19.4%
VCI	Chứng khoán	72.7	1.4%	1.0	1,053	12.8	4,165	17.5	3.8	20.1%	26.7%
HCM	Chứng khoán	44.0	4.5%	1.6	875	14.0	2,651	16.6	3.4	46.9%	22.1%
FPT	Công nghệ	97.4	-0.2%	0.9	3,843	7.2	4,443	21.9	5.2	49.0%	25.1%
FOX	Công nghệ	80.9	-0.1%	0.4	1,155	0.0	4,304	18.8	5.6	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	123.0	0.5%	1.3	10,235	8.7	4,283	28.7	4.8	2.6%	17.6%
PLX	Dầu khí	54.7	1.5%	1.5	3,022	5.3	2,650	20.6	2.8	17.4%	14.2%
PVS	Dầu khí	29.0	1.4%	1.7	603	9.4	1,186	24.5	1.1	7.7%	4.6%
BSR	Dầu khí	24.4	0.8%	0.8	3,289	7.7	(909)		2.4	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	101.2	0.0%	0.4	575	0.1	6,020	16.8	3.7	54.4%	22.6%
DPM	Hóa chất	52.0	3.4%	0.8	885	13.8	4,018	12.9	2.3	9.9%	18.6%
DCM	Hóa chất	36.9	5.0%	0.7	848	12.6	1,701	21.7	2.9	4.6%	13.7%
VCB	Ngân hàng	98.2	0.7%	1.1	15,835	5.1	5,697	17.2	3.3	23.5%	20.8%
BID	Ngân hàng	43.9	0.7%	1.3	7,677	5.1	2,449	17.9	2.1	16.6%	12.2%
CTG	Ngân hàng	32.8	0.3%	1.4	6,853	15.9	3,449	9.5	1.7	24.6%	18.6%
VPB	Ngân hàng	37.6	-1.1%	1.2	7,258	13.2	2,781	13.5	2.7	27.5%	21.9%
MBB	Ngân hàng	28.5	-0.5%	1.2	4,682	16.9	2,940	9.7	1.9	23.2%	21.7%
ACB	Ngân hàng	33.4	-0.3%	1.0	3,924	7.8	3,599	9.3	2.1	30.0%	25.8%
BMP	Nhựa	63.0	0.2%	0.7	224	0.2	2,574	24.5	2.3	84.2%	9.1%
NTP	Nhựa	56.7	0.2%	0.5	290	0.1	3,574	15.9	2.4	18.7%	15.4%
MSR	Tài nguyên	25.9	1.6%	0.7	1,238	1.0	39	664.1	2.0	10.1%	0.3%
HPG	Thép	56.8	0.4%	1.1	11,046	52.4	7,087	8.0	3.0	24.9%	45.6%
HSG	Thép	46.1	-0.9%	1.4	988	15.0	8,806	5.2	2.1	11.4%	49.6%
VNM	Tiêu dùng	90.8	1.8%	0.6	8,251	24.3	4,511	20.1	6.1	54.7%	31.2%
SAB	Tiêu dùng	173.7	1.0%	0.8	4,843	1.0	5,883	29.5	5.2	62.7%	18.7%
MSN	Tiêu dùng	152.0	2.8%	0.9	7,802	12.3	2,031	74.8	8.3	32.1%	11.4%
SBT	Tiêu dùng	24.9	6.9%	1.2	680	18.8	1,066	23.3	1.9	7.5%	8.3%
ACV	Vận tải	87.8	0.9%	0.8	8,310	0.3	577	152.2	5.1	3.7%	3.4%
VJC	Vận tải	131.8	1.4%	1.1	3,104	6.0	279		4.2	17.0%	0.9%
HVN	Vận tải	24.9	1.0%	1.7	2,402	1.2	(7,153)		N/A	N/A	9.3%
GMD	Vận tải	52.2	2.4%	1.0	684	11.7	1,443	36.2	2.7	40.0%	7.4%
PVT	Vận tải	25.3	1.6%	1.3	356	5.0	2,443	10.4	1.6	14.0%	16.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	123.8	-0.6%	0.9	861	0.8	10,231	12.1	4.2	3.6%	42.0%
VGC	Vật liệu xây dựng	45.9	7.0%	0.5	895	4.5	2,122	21.6	3.1	4.0%	14.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	24.7	2.7%	0.9	409	3.3	1,212	20.3	1.7	3.1%	8.2%
CTD	Xây dựng	72.7	0.3%	1.0	233	2.1	727	100.0	0.7	44.9%	0.7%
CII	Xây dựng	25.0	5.9%	0.6	260	11.7	12	2111.2	1.3	21.1%	0.1%
REE	Điện	72.0	1.3%	-1.4	967	2.0	5,541	13.0	1.8	49.0%	14.7%
PC1	Điện	37.6	0.7%	-0.4	375	3.0	2,804	13.4	1.9	6.1%	16.5%
POW	Điện	13.1	0.8%	0.6	1,334	11.3	1,240	10.6	1.0	3.0%	10.0%
NT2	Điện	23.2	0.4%	0.5	290	1.3	2,063	11.2	1.6	14.5%	14.5%
KBC	Khu công nghiệp	49.1	0.2%	1.1	1,216	17.6	1,706	28.8	1.8	15.3%	7.2%
BCM	Khu công nghiệp	56.0	4%	1.0	2,520	1.7			3.8	1.9%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSN	152.00	2.84	1.31	1.88MLN
VNM	90.80	1.79	0.88	6.17MLN
VCB	98.20	0.72	0.68	1.18MLN
GVR	40.70	1.50	0.63	4.28MLN
BCM	56.00	3.70	0.55	714300

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
TCB	0.00	-0.37	21.19MLN	1.11MLN
VPB	0.00	-0.26	8.07MLN	607060
SHB	0.00	-0.25	18.78MLN	373600
PDR	0.00	-0.23	4.76MLN	192700
VRE	0.00	-0.22	8.78MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NAV	21.40	7.00	0.00	6000.00
PTL	8.56	7.00	0.02	349700
ABS	26.00	7.00	0.04	2.35MLN
VGC	45.90	6.99	0.35	2.26MLN
GEX	34.45	6.99	0.46	17.22MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DXV	7.67	-6.92	0.00	191300
HU3	9.51	-6.76	0.00	25500
MCP	25.25	-6.48	-0.01	400.00
CCI	23.40	-6.02	-0.01	1700
VFG	50.10	-5.47	-0.03	100

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDC	94.50	9.00	3.08	6.20MLN
SHS	44.00	1.85	0.43	10.22MLN
CEO	13.70	9.60	0.33	13.38MLN
HUT	13.30	3.10	0.18	2.45MLN
PVS	29.00	1.40	0.17	7.40MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	29.30	-1.68	-0.36	319100
CSC	142.00	-3.20	-0.09	160700
L18	58.30	-5.36	-0.09	364300
DP3	105.10	-9.47	-0.08	100
BII	15.00	-3.23	-0.05	3.40MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

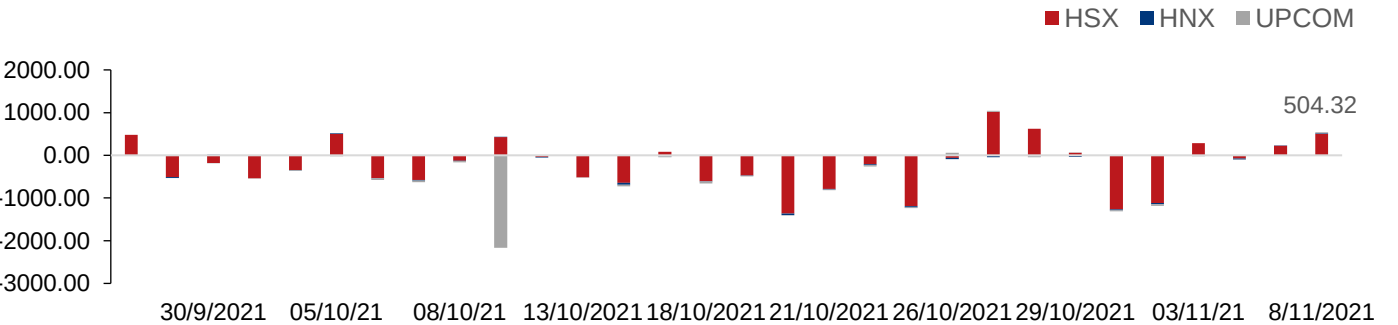
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VC6	11.00	10.0	0.01	33100
PSE	25.40	10.0	0.01	134000
VXB	23.20	10.0	0.01	20200
SDA	44.20	10.0	0.16	169300
CMC	11.10	9.9	0.00	300.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DP3	105.10	-9.47	-0.08	100
QHD	33.70	-9.16	-0.03	100
AMC	23.50	-8.91	-0.01	700
BDB	13.40	-8.84	0.00	2200
SD2	14.50	-8.23	-0.01	44100

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	33.4	3,599	9.3	2.1	Click
2	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
3	ANV	Thủy sản	Mua	27/6/21	32.4	38.7	38.2	1,267	30.2	2.0	Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	15.0	566	26.5	1.5	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	13.7	-511		1.3	Click
6	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	57.5	3,855	14.9	2.4	Click
7	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	32.8	3,449	9.5	1.7	Click
8	DBC	Bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	71.3	66.2	8,518	7.8	1.6	Click
9	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	36.9	1700.7	21.7	2.9	Click
10	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	72.8	96.5	163.9	7,258	22.6	5.7	Click
11	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	112.0	4,942	22.7	6.8	Click
12	DPG	Bất động sản	Theo dõi	10/6/21	39.3	N/a	84.9	5,988	14.2	4.3	Click
13	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	52.0	4,018	12.9	2.3	Click
14	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	35.9	2,633	13.6	2.4	Click
15	DXG	Bất động sản	Mua	11/5/21	23.4	30.2	25.9	1,299		1.8	Click
16	FPT	Viễn thông	Mua	18/8/21	93.8	107.0	97.4	4,443	21.9	5.2	Click
17	GAS	Dầu khí	mua	6/9/21	90.4	109.4	123.0	4,283	28.7	4.8	Click
18	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	40.7	1,244	32.7	3.3	Click
19	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	56.8	7,087	8.0	3.0	Click
20	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	46.1	8,806	5.2	2.1	Click
21	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	13.3	-1,113		1.3	Click
22	ITD	Công nghệ	Mua	17/9/21	19.9	22.0	23.2	1,251	18.5	1.6	Click
23	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	n/a	48.1	1,856	25.9	3.2	Click
24	LHG	Bất động sản	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	53.9	6,706	8.0	1.9	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	89.7	8,024	11.2	2.9	Click
26	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	118.9	140.4	131.6	6,130	21.5	5.0	Click
27	NKG	Thép	Theo dõi	1/9/21	39.5	46.5	51.2	9,467	5.4	2.1	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	5/8/21	43.8	46.4	60.8	4,788	12.7	2.4	Click
29	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	23.2	2,063	11.2	1.6	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	37.6	2,804	13.4	1.9	Click
31	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	108.0	4,214	25.6	4.4	Click
32	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	13.1	1,240	10.6	1.0	Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	30.4	0	338.2	0.9	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	29.0	1,186	24.5	1.1	Click
35	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	24.9	1,066	23.3	1.9	Click
36	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	40.7	1,064	38.3	4.2	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	51.9	16114.6	3.2	1.4	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	52.6	4,965	10.6	2.1	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	98.2	5,697	17.2	3.3	Click
40	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	27.3	570	47.9	2.2	Click
41	VHC	Thủy sản	Mua	6/9/21	49.6	61.0	67.0	4,475	15.0	2.1	Click
42	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	82.4	8,287	9.9	4.1	Click
43	VNM	Bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	90.8	4,511	20.1	6.1	Click
44	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	37.6	2,781	13.5	2.7	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	30.9	954	32.3	2.3	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	44.1	3,307	13.3	2.1	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	80.0	3,256	24.6	6.9	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
2	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
3	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
5	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
6	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
7	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
9	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
12	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
13	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
14	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
15	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
16	Banking Sector Outlook		x	Click
17	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
19	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
20	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
21	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
22	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
24	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
25	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
26	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
27	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
29	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
30	Fishery Outlook 2021		x	Click
31	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
32	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
33	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
34	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
35	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
36	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
37	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
38	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
39	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
40	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639